

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của Sở Tư pháp Quảng Nam

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 710/TB-STC ngày 14 tháng 03 năm 2023 của Sở Tài chính thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Sở Tư pháp (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Biểu số 5 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: SỞ TƯ PHÁP

Chương: 414

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STP ngày 16 tháng 03 năm 2023)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên)

Đơn vị tính: 1.000 Đồng

Số TT	Nội dung	Văn phòng Sở		Tr tâm Trợ giúp pháp lý		Trung tâm DV đấu giá		Phòng công chứng số 1	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu	1.599.244	1.599.244			367.300,484	367.300,484	1.703.546	1.703.546
I	Quyết toán thu	1.599.244	1.599.244			367.300,484	367.300,484	1.703.546	1.703.546
A	Tổng số thu	1.599.244	1.599.244			367.300,484	367.300,484	1.703.546	1.703.546
1	Số thu phí, lệ phí							1.640.666	1.640.666
1.1	Lệ phí	11.450	11.450						
	Lệ phí đăng ký doanh	650	650						

	nghiệp								
	Lệ phí cấp thẻ Công chứng viên	1.800	1.800						
	Lệ phí Quốc tịch	9.000	9.000						
1.2	Phí	1.587.794	1.587.794						
	Phí thăm định cấp lại giấy đăng kí hoạt động VPCC	7.500	7.500						
	Phí thăm định đăng ký hoạt động bán đấu giá	500	500						
	Phí khai thác sử dụng thông tin trong CSDLHT	384	384						
	Phí lý lịch tư pháp	1.576.910	1.576.910						
	Phí thăm định hành nghề thừa phát lại	2.000	2.000						
	Phí xác nhận có quốc tịch	500	500						

	Việt nam								
	Phí công chứng							1.640.066	1.640.066
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					363.884	363.884	63.480	63.480
3	Thu sự nghiệp khác					3.416,484	3.416,484		
B	Chi từ nguồn thu được để lại	1.599.244	1.599.244					1.703.546	1.703.546
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.599.244	1.599.244					1.203.049,5	1.203.049,5
1.1	Chi cho các cơ quan phục vụ thu phí	824.934,2	824.934,2						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
1.2	Chi quản lý hành chính	4.050	4.050						
a	Kinh phí thực	4.050	4.050						

	hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
c	Trích nguồn CCTL	2.700	2.700						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					363.884	363.884	63.480	63.480
3	Hoạt động sự nghiệp khác					3.416,484	3.416,484		
C	Số thu nộp NSNN	767.559,8	767.559,8					417.364,5	417.364,5
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	767.559,8	767.559,8					410,016,5	410,016,5
1.1	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	650	650						
	Lệ phí cấp thẻ Công chứng viên	1.800	1.800						
	Lệ phí Quốc tịch	9.000	9.000						
1.2	Phí								
	Phí thẩm định cấp lại	750	750						

	giấy đăng kí hoạt động VPCC								
	Phí thẩm định đăng ký hoạt động bán đấu giá	500	500						
	Phí khai thác sử dụng thông tin trong CSDLHT	384	384						
	Phí lý lịch tư pháp	751.975,8	751.975,8						
	Phí thẩm định điều kiện hành nghề thừa phát lại	2.000	2.000						
	Phí xác nhận có Quốc tịch Việt nam	500	500						
	Phí công chứng							410.016,5	410.016,5
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ							7.348	7.348
3	Hoạt động sự nghiệp khác								

II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.402.599,2	6.402.599,2	3.936.917,2	3.936.917,2	781.729	781.729		
1	Chi quản lý hành chính	6.402.599,2	6.402.599,2						
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.551.050	4.551.050						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.851.549,2	1.851.549,2						
2	Nghiên cứu khoa học								
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công								
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>								
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>								
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ</i>								

	<i>cấp cơ sở</i>								
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức								
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề								
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình								
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
4.2	Kinh phí nhiệm vụ								

	không thường xuyên								
5	Chi bảo đảm xã hội			3.936.917,2	3.936.917,2				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			2.800.000	2.800.000				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			1.136.917,2	1.136.917,2				
6	Chi hoạt động kinh tế					781.729	781.729		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					674.050	674.050		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					107.679	107.679		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường								
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
7.2	Kinh phí nhiệm vụ								

	không thường xuyên								
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin								
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn								
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao								
10.1	Kinh phí nhiệm vụ								

	thường xuyên								
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
11	Chi Chương trình mục tiêu								
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia								
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>								
2	Chi Chương trình mục tiêu								
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>								